TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2024/DS-ST
Ngày 01-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi;

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 7 và 01 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2024/TLST-DS ngày 26/4/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2024/QĐXXST-DS ngày 17/6/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 236/2024/QĐST-DS ngày 12/7/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 24/2024/QĐST-DS ngày 25/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1968; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1968; địa chỉ: Số A đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B.

Người đại hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1985 và ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Số G P, phường Đ, quận H, thành phố H, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 19/6/2024). Bà H1 và ông T đều có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1968; địa chỉ: Số A đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2024, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu D và bà Nguyễn Thị Kim H là bạn bè làm ăn buôn bán. Ngày 07/3/2023 bà D cho bà H vay số tiền 500.000.000 đồng. Khi vay bà H có ghi giấy viết tay ghi rõ mượn 500.000.000 đồng của bà D và ký tên, điểm chỉ xác nhận. Còn lãi suất các bên thoả thuận 2%/tháng và thời hạn vay tính từ thời điểm giải ngân số tiền vay đến tết nguyên đán 2024. Nội dung về lãi suất và thời hạn vay thì các bên tự thoả thuận miệng, không có lập giấy tờ. Khi cho vay bà D nghe bà H nói vay để giải quyết nhu cầu cá nhân.

Ngày 10/4/2023 bà D cho bà H vay thêm 800.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng thỏa thuận miệng và thời hạn vay bà H cam kết đến Tết nguyên đán 2024 sẽ trả toàn bộ, đầy đủ tiền gốc và lãi cho bà D (bao gồm cả khoản vay ngày 07/3/2023). Khi vay bà H có ghi giấy viết tay ghi rõ mượn 800.000.000 đồng của bà D và ký tên, điểm chỉ xác nhận, còn nội dung về lãi suất và thời hạn vay thì các bên tự thoả thuận miệng, không có lập giấy tờ. Khi cho vay bà D nghe bà H nói vay để giải quyết nhu cầu cá nhân.

Về việc trả lãi: Khoản vay ngày 07/3/2023, tháng 4/2024 bà H có trả lãi 10.000.000 đồng. Sau khi vay thêm 800.000.000 đồng, tháng 5/2023 bà H trả lãi khoản vay ngày 07/3/2023 và khoản vay ngày 10/4/2023 tổng cộng là 26.000.000 đồng. Tháng 6/2023, bà H nói khó khăn nên chỉ trả lãi cho hai khoản vay là 13.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 7/2023, bà H không đóng lãi và cũng không trả tiền nợ gốc.

Bà D gặp khó khăn về tài chính và cần tiền để giải quyết công việc làm ăn nên ngày 12/3/2024 bà D đã thông báo cho bà H, đề nghị bà H sắp xếp trả tiền cho bà D chậm nhất đến ngày 19/3/2024 nhưng bà H cố tình trốn tránh, thường lấy lý do chưa bán được đất để không trả nợ cho bà D. Nay bà Nguyễn Thị Thu D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu D khoản nợ gốc của số tiền vay là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi vay đến thời điểm Tòa đưa vụ án ra xét xử (tạm tính 06 tháng), tính từ ngày 10/4/2023 đến ngày 09/9/2024, cụ thể như sau: 1.300.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 17 tháng = 369.070.000 đồng.

Ngày 25/6/2024 chồng bà H là ông Lê Văn L đã đứng ra bán 01 xe ba bánh biển số 61L8-1159 cho bà D, số tiền bán xe là 100.000.000 đồng được cấn trừ tiền nợ cho bà H. Do đó, tại phiên tòa bà D xác định lại yêu cầu khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết như sau: Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu D số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng. Đối với tiền lãi: Từ ngày 10/4/2023 đến ngày xét xử ngày 01/8/2024, nguyên đơn tự làm tròn là 15 tháng, bị đơn có trách nhiệm trả lãi theo mức lãi suất 20%/năm đối với 02 khoản vay ngày 07/3/2023 và khoản vay ngày 10/4/2023: 1.200.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 15 tháng – 39.000.000 đồng (số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn vào tháng 5 và 6 năm 2023) – 1.700.000 đồng (số tiền lãi bị đơn đã trả dư tiền lãi tháng 4/2023 đối với khoản vay ngày 07/3/2023 so với lãi suất quy định là 20%)) = 258.100.000

đồng. Nguyên đơn xin được rút yêu cầu về việc yêu cầu Toà án buộc bị đơn phải trả số tiền lãi 258.100.000 đồng.

Bà D xác định toàn bộ tiền cho vay nêu trên là tài sản riêng của bà D, không thuộc sở hữu chung với bất cứ tổ chức, cá nhân nào khác. Nguyên đơn cho cá nhân bà H vay, không phải cho vợ chồng bà H, ông L vay. Quá trình vay chỉ có nguyên đơn với bà H biết, chồng bà H ông L không biết và không liên quan. Do đó, nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân của bà H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 1.200.000.000 đồng, không yêu cầu ông L là chồng bà H phải có trách nhiệm trả.

- Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim H là bà Nguyễn Thanh H1 và ông Nguyễn Thế T cùng thống nhất trình bày:

Bà H xác định có vay của bà D tổng cộng tiền gốc là 1.300.000.000 đồng vào các ngày 07/3/2023 và ngày 10/4/2023 và có sự việc trả tiền lãi của hai khoản vay tổng cộng là 49.000.000 đồng. Ngày 25/6/2024 ông L chồng bà H đã bán chiếc xe để cấn trừ số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, số tiền bà H còn nợ bà D là 1.200.000.000 đồng. Bà H xác định quá trình vay bà H tự đứng ra thoả thuận với bà D, ông L không biết. Bà H xác định đó là nợ riêng cá nhân của bà H nên đồng ý một mình trả nguyên đơn số tiền 1.200.000.000 đồng. Còn tiền lãi bà D đã rút, bà H thống nhất và không có ý kiến gì khác.

- Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L trình bày:

Ông Lê Văn L là chồng của bà Nguyễn Thị Kim H. Bà D là bạn bà H vợ ông L. Khoản vay nợ của bà D với bà H là tự bà H vay, tự thoả thuận với bà D, ông L không biết. Ông L xác định ông không sử dụng, chi tiêu gì liên quan đến số tiền bà H vay của bà D. Bà H tự mượn, tự tiêu xài cá nhân, không dùng số tiền này để đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, cũng không sử dụng số tiền này để phát triển khối tài sản chung của gia đình. Hiện tại gia đình ông L không túng thiếu đến mức bà H phải mượn tiền để lo cho gia đình.

Ông L xác định có sự việc bà D đến nhà đòi nợ bà H, với lương tâm của một người chồng, ông đã bán chiếc xe mô tô biển số 61L8-1159 do ông đứng tên cho bà D để cấn trừ số tiền 100.000.000 đồng nợ cho bà H. Việc bán xe để cấn trừ nợ này không đồng nghĩa với việc nợ bà D là nợ chung của vợ chồng. Khoản nợ bà D vẫn là nợ riêng của bà H, ông L không liên quan nhưng do ông thấy bà H đang khó khăn, ông L có tài sản nên mới bán để cấn trừ nợ cho bà H được khoản nào hay khoản đó. Một người bình thường không có quan hệ thân thích thấy người khó khăn cũng có thể giúp đỡ, huống chi bà H là vợ của ông. Do đó, ông xác định khoản vay bà D là nợ riêng của bà H nên bà H có trách nhiệm trả một mình, ông L không có liên quan và không có trách nhiệm trả.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả số tiền lãi 258.100.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L.

[2] Tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu D xin rút yêu cầu về việc buộc bị đơn phải trả số tiền lãi 258.100.000 đồng đối với khoản vay ngày 07/3/2023 và khoản vay ngày 10/4/2023. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[3] Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy biên nhận ngày 07/3/2023 và Giấy biên nhận ngày 10/4/2023. Tại phiên tòa đại diện bị đơn đều đã thừa nhận những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác nhận nội dung đã thỏa thuận, số tiền vay 1.300.000.000 đồng đã nhận của bà D và số tiền lãi, tiền gốc bà H đã trả cho bà D theo trình bày của bà D. Xét thấy, sự thừa nhận của đương sự là tài liệu chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ vay tiền giữa bà Nguyễn Thị Thu D với bà Nguyễn Thị Kim H: Nguyên đơn xác định bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 07/3/2023 và vay 800.000.000 đồng vào ngày 10/4/2023, mức lãi suất các bên thoả thuận là 2%/năm và thời hạn vay tính kể từ vay đến tết nguyên đán năm 2024. Hiện bị đơn đã trả cho nguyên đơn 100.000.000 đồng và tiền lãi tổng cộng là 49.000.000 đồng. Bị đơn thống nhất về nội dung trình bày này của nguyên đơn nên có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà D với bà H là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi.

Xét, mặc dù nợ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên, các đương sự đều xác định quá trình vay chỉ có bà D và bà Hồng t thoả thuận, ông L không biết. Quá trình tố tụng, cũng không có chứng cứ để chứng minh bà H dùng số tiền vay của bà D để đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình hay để phát triển khối tài sản chung của gia đình. Mặt khác, nguyên đơn xác định chỉ cho cá nhân bà Nguyễn Thị Kim H vay và chỉ yêu cầu cá nhân của bà Nguyễn Thị Kim

H phải trả số tiền gốc còn lại là 1.200.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định số tiền nợ theo Giấy biên nhận ngày 07/3/2023 và Giấy biên nhận ngày 10/4/2023 là nợ riêng của bà Nguyễn Thị Kim H, không phải là nợ chung của bà H và ông L.

Theo quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*...". Tại phiên tòa, đại diện bị đơn đồng ý trả số tiền gốc 1.200.000.000 đồng còn nợ cho nguyên đơn. Đây là sự tự nguyện của bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên tổng số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu D theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 92, 144, 147 , 228, 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H phải trả số tiền lãi 258.100.000 đồng đối với khoản vay ngày 07/3/2023 và khoản vay ngày 10/4/2023.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu D số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu số tiền 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu D số tiền 30.451.050 (ba mươi triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn không trăm năm mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002806 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- VKSND TP. Dĩ An (01);
- CC THADS TP. Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Mai